**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: ẩn dụ, so sánh, liệt kê, nói quá, nói giảm nói tránh...;  **Vận dụng:**  **-** Thể hiện được thái độ của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản.  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | 5 TN | 3TN | 2TL | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**THỜI GIAN LÀ VÀNG**

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

*(Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục)*

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì? (Biết)

1. Thuyết minh
2. Nghị luận
3. Tự sự
4. Biểu cảm

**Câu 2:** Theo em văn bản trên thời gian có mấy giá trị? (Biết)

1. 2 giá trị
2. 3 giá trị
3. 4 giá trị
4. 5 giá trị

**Câu 3:** Theo tác giả nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho ai? Biết)

1. Cho bản thân
2. Cho xã hội
3. Cho bản thân và xã hội
4. Cho bản thân và gia đình

**Câu 4:** Câu “Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi.” trong đoạn văn: “Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.” là câu mang luận điểm? (Biết)

1. Đúng
2. Sai

**Câu 5:** Câu “Thời gian là sự sống” sử dụng biện pháp tu từ nào?(Biết)

1. Nhân hóa.
2. So sánh
3. Ẩn dụ
4. Hoán dụ

**Câu 6:** Văn bản trên bàn về vấn đề gì? (Hiểu)

1. Bàn về giá trị của sự sống.
2. Bàn về giá trị của sức khỏe.
3. Bàn về giá trị của thời gian.
4. Bàn về giá trị của tri thức.

**Câu 7:** Nêu tác dụng của phép điệp ngữ “Thời gian” trong văn bản trên? (Hiểu)

1. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
2. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
3. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian
4. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người và sự vật.

**Câu 8:** Từ “tri thức” được sử dụng trong văn bản trên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

1. Tri thức bao gồm những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m),thông qua [giáo dục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c) hay tự học hỏi.
2. Tri thức bao gồm những thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m),thông qua [giáo dục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c) hay tự học hỏi.
3. Tri thức là những kỹ năng có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m), thông qua học hỏi từ sách vở hoặc trong cuộc sống.
4. Tri thức là những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m), thông qua [giáo dục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c) hay tự học hỏi.

**Câu 9:** Theo em, tại sao tác giả cho rằng: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được? (Vận dụng)

**Câu 10:** Bài học em rút ra được từ văn bản trên?(Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Phát biểu cảm nghĩ về người người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em, ...).

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **c** | **1** | B | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | Học sinh có thể lí giải:  - Thời gian là vàng vì thời gian quý như vàng  - Vàng mua được: vàng là thứ vật chất hữu hình, dù có đẹp, có giá trị đến đâu vẫn có thể trao đổi, mua bán được.  - Thời gian không mua được: thời gian là thứ vô hình không thể nắm bắt, đã đi là không trở lại. | 1,0 |
| **10** | Học sinh biết rút ra được bài học cho bản thân ( quý trọng thời gian, sử dụng thời gian hợp lí...). | 1,0 |
| **II**  **-** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:* Mở bài giới thiệu đối tượng, thân bài biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng, kết bài khẳng định lại tình cảm về đối tượng. | **0,25** |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Biểu cảm về người thân | **0,25** |
|  | *c. Triển khai vấn đề*  HS biểu cảm bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: | **2,5** |
|  | * Giới thiệu đối tượng, * Biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng:   + Ngoại hình.  + Tính cách.  + Một số kỉ niệm mà em nhớ  + Vai trò của người thân.   * Khẳng định tình cảm của bản thân với đối tượng |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | **0,5** |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo. | **0,5** |